LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 17

LUẬN VỀ TRÍ (Phần 9)

Hỏi: Thân-ngữ nghiệp tùy tâm chuyển như thế nào, không tùy tâm chuyển như thế nào?

Đáp: Giới của cỏi sắc và giới vô lậu là tùy tâm chuyển, giới của cỏi Dục và thân - ngữ nghiệp còn lại là không tùy tâm chuyển.

Hỏi: Vì sao giới của cõi Dục là không tùy tâm chuyển?

Đáp: Bởi vì cỏi Dục đối với giới tùy tâm chuyển kia, không phải là ruộng đất-không phải là đồ dùng, cho đến nói rộng ra. Lại nữa, cõi Dục không phải là cõi của Định, không phải là phạm vi của tu, không phải là phạm vi của lìa nhiễm, cho nên không có đạo và giới có thể tùy chuyển như vậy; cõi sắc là cõi của Định, là phạm vi của tu, là phạm vi của lìa nhiễm, cho nên có đạo và giới có thể tùy chuyển như vậy. Lại nữa, nghĩa của giới cõi Dục hỏi tâm cõi Dục rằng: Ông có thể đoạn trừ phiền não phá giới và dấy lên phá giới cho tôi hay không, nếu có thể thì tôi thuận theo ông chuyển. Nghĩa của tâm cõi Dục trả lời giới cõi Dục rằng: Tôi không có thể. Nghĩa của giới nói: Nếu không có thể thì tôi làm sao thuận theo ông chuyển? Như người sợ hải trách móc bèn hỏi người khác rằng: Ông có thể làm người cứu giúp cho tôi hay không, nếu có thể thì tôi sẽ dựa vào ông thuận theo ông mà chuyển. Người ấy trả lời rằng: không có thể. Người kia liền nói rằng: Nếu ông không có thể thì tôi làm sao dựa vào ông thuận theo ông chuyển được? Điều đang nói ở đây cũng vậy.

Hỏi: Tâm thiện của cỏi sắc thì tất cả đều có giới tùy chuyển hay không?

Đáp: không phải là tất cả đều có. Nghĩa là tĩnh lự thứ nhất có sáu tâm thiện không có giới tùy chuyển:

1. Nhãn thức thiện.

2. Nhĩ thức thiện.

3. Thân thức thiện.

4. Tâm thiện lúc chết.

5. Tâm thiện phát khởi biểu nghiệp.

6. Tâm thiện tương ứng với Văn mà thành Tuệ.

Tĩnh lự thứ hai - thứ ba - thứ tư, có hai tâm thiện không có giới tùy chuyển, đó là tâm thiện lúc chết và tâm thiện do Văn mà thành.

Hỏi: vì sao cõi vô sắc không có giới tùy chuyển?

Đáp: Bởi vì cõi ấy đối với giới không phải là ruộng đất-không phải là đồ dùng, cho đến nói rộng ra. Lại nữa, giới là do Đại chủng tạo ra, cõi ấy không có Đại chủng cho nên không có giới.

Hỏi: Như tùy là không có Đại chủng vô lậu mà có giới vô lậu, như vậy cõi ấy tuy không có Đại chủng nhưng ngại gì có giới?

Đáp: Giới vô lậu không phải là lực của Đại chủng cho nên trở thành vô lậu, chỉ do lực của tâm tùy theo tâm vô lậu mà cũng phát khởi; giới hữu lậu do lực của Đại chủng hệ thuộc vào giới hạn nơi chốn (giới địa) cho nên không tương tự. Lại nữa, giới là đối trị với phá giới và phiền não dấy khởi phá giới, đạo của cỏi Vô sắc không có thể đối trị với phá giới và phiền não dấy khởi phá giới, cho nên cõi ấy không có giới.

Hỏi: Nhân Luận và Sinh Luận vì sao nói đạo của cỏi Vô sắc không có thể đối trị vối phá giới và phiền não dấy khởi phá giới?

Đáp: Ở đó chỉ ở cỏi Dục, vô sắc đối với dục có bốn sự cách xa cho nên không có đối trị, bốn sự cách xa là:

1. Giới địa cách xa.

2. Sở y cách xa.

3. Sở duyên cách xa.

4. Đối trị cách xa.

Hỏi: Nếu như vậy thì tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thư tư, cũng không có phá giới phiền não giấy khởi phá giới, đối trị của nơi ấy cần phải là không có giới chăng?

Đáp: Đối trị có hai loại:

1. Đoạn trừ để đối trị.

2. Chán ngán hư hoại để đối trị.

Ba tĩnh lự phía trên đối với phá giới và phiền não giấy khởi phá giới, tuy không có đoạn trừ để đối trị mà có chán ngán hư hoại để đối trị. Như Đức Thế Tôn nói: "Đệ tử bậc Thánh tiến vào giải thoát tâm bất động, có năng lực đoạn trừ bất thiện mà tu tập pháp thiện". Không phải là trong thân ấy còn có bất thiện đáng đoạn trừ, nhưng mà dựa vào đối

trị lỗi lầm cho nên nói như vậy. Cõi Vô sắc đối với phá giới và phiền não dấy khởi phá giới, không có đoạn trừ để đối trị cũng không có chán ngán hư hoại để đối trị, cho nên không có giới.

Giới tùy chuyển tổng quát có hai loại:

1. Đạo câu hữu giới.

2. Định câu hữu giới.

Đạo câu hữu giới thì gọi là giới vô lậu, Định câu hữu giới thì gọi là giới của cõi sắc. Nếu như là Đạo câu hữu giới thì đó không phải là Định câu hữu giới, nếu là Định câu hữu giới thì đó không phải là Đạo câu hữu giới. Có người đưa ra cách nói này: Đạo câu hữu giới gọi là giới vô lậu, Định câu hữu giới nghĩa là tất cả giới hữu lậu và vô lậu tùy tâm chuyển. Họ đưa ra cách nói này: Tất cả Đạo câu hữu giới là Định câu hữu giới, hoặc là Định câu hữu giới mà chẳng phải là Đạo câu hữu giới, nghĩa là giới hữu lậu tùy tâm chuyển. Có Sư khác nói: Đạo câu hữu giới gọi là giới vô lậu, Định câu hữu giới có nghĩa là giới hữu lậu và vô lậu của tĩnh lự căn bản. Dựa vào cách nói như vậy nên làm thanh bốn câu phân biệt:

1. Có là Đạo câu hữu giới mà không phải là Định câu hữu giới, nghĩa là các giới vô lậu của địa ở phạm vi gần.

2. Có là Định câu hữu giới mà không phải là Đạo câu hữu giới, nghĩa là các giới hữu lậu của địa căn bản.

3. Có là Đạo câu hữu giới mà cũng là Định câu hữu giới, nghĩa là các giới vô lậu của địa căn bản.

4. Có chăng phải là Đạo câu hữu giới cũng chẳng phải là Định câu hữu giới, nghĩa là các giới hữu lậu của địa phương ở phạm vi gần.

Sư ấy dựa vào đạt được, lại làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có đạt được Đạo câu hữu giới mà chẳng phải là Định câu hữu giới, nghĩa là chưa lìa dục nhiễm tiến vào Chánh tánh ly sinh trong mười sáu tâm, Kiến đạo trong mười lăm tâm: Nếu các Thánh giả vì lìa dục nhiễm thì dấy Khởi đạo gia hạnh, chín đạo vô gián và tám đạo giải thoát: nếu chưa llìa dục nhiễm thì tín thắng giải luyện căn, dấy lên kiến giải đối với tất cả đạo gia hạnh-vô gián và giải thoát; nếu các Thánh giả chưa lìa dục nhiễm thì dựa vào Vị chí định, khởi lên vô lượng-bất tịnh quán-trì tức niệm và niệm trú... những lúc như vậy thì đạt được Đạo câu hữu giới chứ chẳng phải là Định câu hữu giới.

2. Có đạt được Định câu hữu giới mà chẳng phải là Đạo câu hữu giới, nghĩa là các dị sinh lìa dục nhiễm và tất cả cuối cùng là đạo giải thoát; ngay lúc ấy vì lìa dục nhiễm của tĩnh lự thứ nhất, dựa vào tĩnh lự

thứ nhất dấy khởi đạo gia hạnh, và tất cả cuối cùng là đạo giải thoát; ngay lúc ấy vì lìa dục nhiễm của tĩnh lự thứ hai, dựa vào tĩnh lự thứ hai dấy khởi đạo gia hạnh, và tất cả cuối cùng là đạo giải thoát; ngay lúc ấy vì lìa dục mhiễm của tĩnh lự thứ ba, dựa vào tĩnh lự thứ ba dấy khởi đạo gia hạnh, và cuối cùng là đạo giải thoát; ngay lúc ấy vì lìa dục nhiễm của tĩnh lự thứ tư, dựa vào tĩnh lự thứ tư dấy khởi đạo giới hạnh; hoặc các dị sinh dựa váo tĩnh lự căn bản, dẫn phát các loại thần thông dấy khởi đạo gia hạnh, năm đạo vô gián–ba đạo giải thoát, hoặc dấy khởi vô lượng-bất tịnh quán-trì tức niệm-niệm trúc-noãn-đảnh-nhẫn-thế đệ nhất pháp, ba giải thoát đầu-tám thắng xứ-tám biến xứ trước, và lúc ở cõi vô sắc chết đi rối sinh vào cõi sắc, lúc ở địa phía trên của cõi sắc chết đi rồi sinh vào địa phía dưới... những lúc như vậy thì đạt được Định câu hữu giới chứ không phải là Đạo câu hữu giới.

3. Có đạt được Đạo câu hữu giới mà cũng đạt được Định câu hữu giới, nghĩa là đã lìa dục nhiễm dựa váo Vị chí định, lúc tiến váo Chánh tánh ly sinh với Đạo loại trí; hoặc dựa vào đại phía trên tiến vào Chánh tánh ly sinh với mười sáu tâm; hoặc các Thánh giả lìa dục nhiễm với đạo giải thoát cuối cùng, ngay lúc ấy vì lìa nhiễm của tĩnh lự thứ nhất cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, dấy khởi các đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, đã lìa dục nhiễm với tính thắng giải luyện căn; lúc dấy lên kiến giải đối với tất cả các đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát, A-la-hán giải thoát luyện căn dấy lên bất động đối với các đạo gia hạnh, chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát; hoặc các lúc tu xen lẫn tĩnh lự thứ nhất cho đến tĩnh lự thứ tư; hoặc các Thánh giả dẫn phát các thần thông khởi lên đạo gia hạnh, năm đạo vô gián-ba đạo giải thoát; hoặc các Thánh giả đã lìa dục nhiễm dựa vào Vị chí định, cùng khởi lên vô lượng-giải thoát-thắng xứ-biến xứa, bất tịnh quán-trì tức niệm và các niệm trú; hoặc khởi lên vô ngại giải - biên tế định - vô trách nguyện trí, Không Không - Vô nguyện Vô nguyện - Vô tướng Vô tướng tưởng vi tế tâm... những lúc như vậy thì đạt được Đạo câu hữu giới mà cũng đạt được Định câu hữu giới.

4. Có lúc không đạt được Đạo câu hữu giới cũng không đạt được Định câu hữu giới, nghĩa là các dị sinh vì lìa dục nhiễm, dấy khởi đạo gia hạnh - chín đạo vô gián - tám đạo giải thoát, dựa vào Vị chí định và tĩnh lự trung gian phát khởi noãn - đảnh - nhẫn - thế đệ nhất pháp; hoặc các dị sinh dựa vào phạm vi gần của tĩnh lự thứ hai - thứ ba - thứ tư, vì lìa dục nhiễm của tĩnh lự thứ nhất - thứ hai - thứ ba, dây khởi đạo gia hạnh - chín đạo vô gián - tám đạo giải thoát; hoặc các dị dinh dựa

vào phạm vi gần của Không vô biên xứ cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, vì lìa nhiễm của tĩnh lự thứ tư cho đến Vô sở hữu xứ, dấy khởi đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát; hoặc các dị sinh chưa lìa dục nhiễm, hoặc đã lìa dục nhiễm, dựa vào các Định ở phạm vi gần như Vi chí định... hoặc là Vô sắc định, lúc dấy khởi các công đức như vô lượng-giải thoát-thắng xứ-biến xứ, và bất tịnh quán-trì tức niệm cùng các niệm trú... hoặc các Thánh giả dựa vào các Định ở phạm vi gần như ở Vị chí định... lúc dấy khởi thành tựu các công đức hữu lậu và vô lậu; dựa vào Vô sắc định, lúc dấy khởi thành tựu các công đức hữu lậu và vô lậu; tất cả phần vị không nhất định và không có tâm ...; những lúc như vậy thì không đạt được Đạo câu hữu giới cũng không đạt được Định câu hữu giới.

Sư ấy dựa vào buông xả, lại làm thành bốn câu phân biệt: 1- Có buông xả Đạo câu hữu giới mà chẳng phải là Định câu hữu giới, nghĩa là đạt được quả Dự lưu hoặc là quả Nhất lai, hoặc dần dần đạt được quả Bất hoàn, chưa lìa dục nhiễm với tín thắng giải luyện căn, đạt được kiến giải đối với đạo quả thù thắng Nhất Lai bắt đầu từ quả Nhất lai, và lúc lui sụt đạo quả thù thắng Dự lưu của quả Dư lưu; lúc lui sụt từ quả Dự lưu, nghĩa là lui sụt quả đã đạt được từ luyện căn; những lúc mhư vậy thì buông xả Đạo câu hữu giới mà không phải là Định câu hữu giới. 2- Có buông xả Định câu hữu giới mà không phải là Đạo câu hữu giới, nghĩa là các dị sinh lui sụt từ lúc lìa dục nhiễm, cho đến từ lúc lìa nhiễm của tĩnh lự thứ ba; hoặc các dị sinh và các Thánh giả, từ cõi Dục-Sắc chết đi rồi đến cõi Vô sắc, hoạc từ cõi sắc chết đi rồi rồi sinh vào cõi Dục; hoặc các dị sinh lui sụt từ công đức thù thắng của địa căn bản...; những lúc như vậy thì buông xã Định câu hữu giới mà không phải là Đạo câu hữu giới. 3- Có buông xả Đạo câu hữu giới cũng là buông xả Định câu hữu giới, nghĩa là các Thánh giả lui sụt từ lúc lìa dục nhiễm, cho đến từ lúc lìa nhiễm của phi tưởng phi phi tưởng xứ; hoặc dựa vào bốn tĩnh lự và tĩnh lự trung gian đạt được quả Bất hoàn; hoặc đạt được quả A-la-hán đã lìa dục nhiễm; lúc tín thắng giải luyện căn đạt được kiến giải cuối cùng, A-la-hán giải thoát luyện căn đạt được bật động; từ quả Bất hoàn đến đạo quả thù thắng của Bất hoàn, và lúc lui sụt đạo quả thù thắng A-la-hán của quả A-la-hán...; những lúc như vậy thì buông xả Đạo câu hữu giới cũng là buông xả Định câu hữu giới, nghĩa là trừ ra các phần vị khác những tướng trước.

Sự ấy dựa vào thành tựu, lại làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có thành tựu Đạo câu hữu giới mà chẳng phải là Định câu hữu

giới, nghĩa là Thánh giả chưa lìa dục nhiễm.

2. Có thành tựu Định câu hữu giới mà chẳng phải là Đạo câu hữu giới, nghĩa là các dị sinh sinh ở cõi Dục đã lìa dục nhiễm, hoặc các dị sinh sinh ở cõi Sắc.

3. Có thành tựu cả hai, nghĩa là các Thánh giả sinh ở cõi Dục đã lìa dục nhiễm, hoặc các Thánh giả sinh ở cõi Sắc - Vô sắc.

4. Có lúc không thành tựu cả hai, nghĩa là các dị sinh chưa lìa dục nhiễm, hoặc các dị sinh vào cõi Vô sắc. Dựa vào không thành tựu, cũng làm thành bốn câu phân biệt, nghĩa là thứ tự câu thứ hai trước làm câu thứ nhất ở đây, thứ tự câu thứ nhất trước làm câu thứ hai ở đây, thứ tự câu thứ tư trước làm câu thứ ba ở đây, thứ tự câu thứ ba trước làm câu thứ tư ở đây.

Tất cả luật nghi tổng quát có bốn loại:

1. Luật nghi biệt giải thoát.
2. Luật nghi tĩnh lự.
3. Luật nghi vô lậu.
4. Luật nghi đoạn trừ.

Luật nghi biệt giải thoát, nghĩa là giới của cõi Dục. Luật nghi tĩnh lự, nghĩa là giới của cõi sắc. Luật nghi vô lậu, nghĩa là giới vô lậu. Luật nghi đoạn trừ, nghĩa là lìa nhiễm của cõi Dục. Trong chín đạo vô gián nói rộng về tất cả tĩnh lự và giới vô lậu; bốn luật nghi này, như trong phẩm Hại Sinh của chương Nghiệp Uẩn sẽ nói.

Noãn tùy chuyển giới, đối với phá giới là đối trị buông xả - đối trị duy trì - đối trị phạm vi xa, trong Đảnh - Nhẫn - Thế đệ nhất pháp - kiến đạo và Tu đạo. Đạo loại trí tùy chuyển giới, đối với phá giới chỉ là đối trị duy trì và đối trị phạm vi xa. Đạo gia hạnh lìa nhiễm của cõi Dục tùy chuyển giới, đới với phá giới là đối trị buông xả - đối trị duy trì và đối trị phạm vi xa. Đạo vô gián đầu tiên tùy chuyển giới, đối với phá giới chỉ là đối trị duy tri và đối trị phạm vi xa; đối với phiền não dấy khởi phá giới, chỉ là đối trị đoạn trừ và đối trị buông xả. Bảy đạo vô gián tùy chuyển giới, đối với phá giới chỉ là đối trị duy trì và đối trị phạm vi xa; đối với phiền não dấy khởi phá giới, là đới trị đoạn trừ - đối trị buông xả-đối trị duy trì và đối trị Phạm vi xa. Đạo vô gián thứ chín tùy chuyển giới, đối với phá giới là đối trị đoạn trừ - đối trị duy trì và đối trị phạm vi xa; đối với phiền não dấy khởi phá giới, là đối trị đoạn trừ - đối trị buông xả - đối trị duy trì và đối trị phạm vi xa. Chín đạo giải thoát tùy chuyển giới và các loại còn lại, thời gian sau cho đến Tận trí - Vô sinh trí. Chánh kiến vô học tùy chuyển giới, đối với phá giới và phiền não

dấy khởi phá giới, chỉ là đối trị duy trì và đối trị phạm vi xa.

Hỏi: Phẩm đạo của pháp trí có năng lực đoạn trừ phá giới và phiền não giấy khởi phá giới, có thể có tùy chuyển giới, phẩm đạo của loại trí không có công đức này, tại sao cũng có tùy chuyển giới ?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Phẩm đạo của Loại trí đối với điều ấy tuy không có đối trị đoạn trừ và đối trị buông xả, nhưng mà có đối trị duy trì và đối trị phạm vi xa. Vả lại, phẩm đạo của pháp trí lần lược chuyển tiếp làm nhân cho phẩm đạo của Loại trí, lần lược chuyển tiếp nối lên nhau, lần lược chuyển tiếp thuộc về nhau, lần lược chuyển tiếp sinh ra nhau, "Có sự khác nói: Phẩm đạo của Loại trí, cũng có năng lực đoạn trừ phá giới và phiền não dấy khởi phá giới, nhưng bởi vì phẩm đạo của pháp trí đã đoạn trừ điều đó trước rồi, nay không có gì mà đoạn trừ cho nên cũng có tùy chuyển giới; ví như nhiều người cùng chung nên kẻ thù, nên người đã làm hại rồi, những người khác không còn gì để làm hại chứ không phải là không có khả năng làm hại; ở đây cũng như vậy. Đại đức nói rằng: Nếu phẩm đạo của pháp trí có tùy chuyển giới, phẩm có tùy chuyển giới, phẩm đạo của Loại trí không có tùy chuyển giới, thì thuận theo luật nghi, chỉ chuyển đổi với nơi có thể, chứ không chuyển đối với nơi không có thể, nhưng mà các luật nghi bao gồm đối với có thể và nơi không có thể chuyển, cho nên phẩm đạo của pháp trí và Loại trí đều có thể tùy chuyển giới.

Hỏi: Cõi Dục và cõi Sắc thì giới của cõi nào nhiều hơn?

Đáp: Có người nói như vậy: Giới của cõi Dục nhiều hơn. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì giới của cõi Dục có được từ nơi nghiệp đạo căn bản và gia hạnh sau khi dấy khởi, giới của cõi Sắc chỉ có được từ nơi nghiệp đạo căn bản, giới của cõi Dục lìa xa tánh tội và lìa xa già tội mà có được, giới của cõi Sắc chỉ lìa xa tánh tội mà có được. Nói như vậy thì giới của cõi Sắc nhiều hơn. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tạm thời do Vị chí định thâu nhiếp, giới hãy còn nhiều hơn cõi Dục, bởi vì có vô lượng công đức đối trị với nó, huống hồ còn có những giới khác của địa phía trên hay sao?

Hỏi: Hữu lậu và vô lậu thì giới của loại nào nhiều hơn?

Đáp: Có người nói như vậy: Giới của hữu lậu nhiều hơn. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì giới hữu lậu thâu nhiếp hai luật nghi và phần ít của nên luật nghi, giới vô lậu thâu nhiếp nên luật nghi và phần ít của nên luật nghi. Lại nữa, giới hữu lậu thâu nhiếp hai Giới và phần ít của nên Giới, hai xứ và phần ít của nên xứ; giới vô lậu chỉ thâu nhiếp nên phần ít của nên giới - nên xứ. Nói như vậy thì giới vô lậu nhiều hơn. Nguyên

cớ thế nào? Bởi vì tạm thời khổ pháp trí nhẫn tùy chuyển giới hãy còn nhiều hữu lậu, vốn có vô lượng công đức đối trị của nó, huống hồ lại có những giới khác của phần vị phía trên hay sao?

Hỏi: Khổ pháp trí nhẫn và khổ pháp trí, cho đến Tận trí vàVô sinh trí cùng chánh kiến vô học, thì các tùy chuyển giới của loại nào là nhiều hơn?

Đáp: Có người nói như vậy: Khổ pháp trí tùy chuyển giới, là nhiều hơn nên lần so với khổ pháp trí nhẫn tùy chuyển giới, như vậy lần lược chuyển tiếp cho đến Chánh kiến vô học tùy chuyển giới, là nhiều hơn nên lần so với Vô sinh trí chuyển giới. Lại có người nói: Như khổ pháp trí nhẫn tùy chuyển giới, như vậy khô pháp trí tùy chuyển giới, cho đến Đạo loại trí tùychuyển giới cũng như vậy. Các đạo gia hạnh lìa nhiễm của cõi Dục và chín đạo vô gián - chín đạo giải thoát, thì các tùy chuyển giới của các loại sau chuyển sang nhiều hơn. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì Như Như dần đoạn trừ phá giới và phiền não dấy khởi phá giới, giới như vậy và như vậy dần tăng nhiều lên, giới của các phầnvị phía trên trước sau tương tự với nhau. Nói như vậy thì khổ pháp trí nhẫn tùy chuyển giới cùng với khổ pháp trí, cho đến Chánh kiến vô học tùy chuyển giới như nhau không có sai khác. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì cùng chuyển đối với bảy chi của thân - ngữ.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận Thi Thiết nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: "Khổ pháp trí là hơn hẳn so với khổ pháp trí nhẫn, cho đến Tận trí là hơn hẳn so với kim cang dụ định. "

Đáp: Dựa vào nhân trưởng dưỡng cho nên nói như vậy, nghĩa là khổ pháp trí nhẫn chỉ nhờ vào nên sát-na mà lớn lên, khổ pháp trí nhờ vào hai sát-na mà lớn lên, cho đến Tận trí nhờ vào vô lượng sát-na mà lớn lên, luận ấy nói về phẩm loại hơn hẳn chứ không nói đến giới nhiều hay ít.

Hỏi: Thanh văn và Phật thì giới của bậc nào nhiều hơn?

Đáp: Có người nói như vậy: Giới của Thanh văn nhiều hơn. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì giới của Thanh văn dựa vào thân của hai cõi; giới của Phật chỉ dựa vào thân của cõi Dục. Lại nữa, giới của Thanh văn dựa vào thân của hai nẽo, giới của Phật chỉ dựa vào thân của nẽo người, nói như vậy thi giới của Phật nhiều hơn. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tạm thời Lực-Vô úy tùy chuyển giới còn nhiều hơn tất cả Thanh văn và Độc giác, huống hồ lại có các tùy chuyển giới của vô lượng vô biên công đức thù thắng hay sao?

Hỏi: Chư Phật Thế Tôn có ngài trăm năm chứng được Vô thượng

Chánh đẳng Bồ - đề, có ngài thậm chi đến tám vạn năm mới chứng được Bồ-đề. Nếu ngài nào trong nên trăm năm chứng được Bồ-đề, thì cũng có được giới trong thân tám vạn năm hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu có được thì tại sao thân này lại được giới của thân khác? Nếu không được thì luận Thi Thiết nói phải thông hiểu thế nào?

Đáp: Như nói: "Tất cả như lai ứng chánh Đẳng Giác thảy đều binh đẳng." Nên nói là cũng được.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao thân này lại có được giới của thân khác? Nếu được vào thân này có được giới của thân khác?

Đáp: Nếu được vào thân này có được giới của thân khác, thì cũng không có gì sai, bởi vì tương tục như nhau. Nhưng Ngài trong nên trăm năm đạt được Bồ - đề, đối với giới tùy tâm chuyển của Ngài trong nên trăm năm cũng đạt được, cũng thuộc về thân - cũng thành tựu-cũng hiện ở trước mắt; đối với giới tùy tâm chuyển của Ngài tám vạn năm đạt được, mà không thuộc về thân thành tựu - không hiện ở trước mắt. Ngài tám vạn năm đạt được Bồ - đề, đối với giới tùy tâm của Ngài tám vạn năm, cũng đạt được - cũng thuộc về thân, cũng thành tựu - cũng hiện ở trước mắt; đối với giới tùy tâm chuyển của Ngài nên trăm năm đạt được, mà không thuộc về thân thành tựu-không hiện ở trước mặt. Có người nói là không đạt được.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận Thi Thiết nói phải không hiểu thế nào?

Đáp: Do ba sự việc như nhau cho nên gọi là bình đẳng: 1- Tu hành bình đẳng, nghĩa là như nên đức Phật trải qua ba vô số kiếp, tu sáu Ba-la-mật-đa được viên mãn, cho nên chứng đươc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, các Đức Phật khác cũng như vậy, cho nên gọi là bình đẳng. 2- Lợi ích bình đẳng, nghĩa là như nên Đức Phật xuất hiện ở thế gian, hóa độ vô lượng trăm ngàn na-dữu-đa chúng sinh làm cho nhập Niết-bàn , những Đức Phật khác cũng như vậy, cho nên gọi là bình đẳng. 3- Pháp thân bình đẳng, nghĩa là như nên Đức Phật thành tựu vô biên công đức như mười Lực–bốn vô sơ úy-Đại Bi-ba Niệm trú và mười tám pháp Bất cọng..., những Đức Phật khác cũng như vậy, cho nên gọi là bình đẳng. Lại nữa, căn như nhau cho nên gọi là bình đẳng, bởi vì chư Phật đều đạt được giới Thượng Phẩm. Lại nữa, giới như nhau cho nên gọi là bình đẳng, nghĩa là như nên Đức Phật dựa vào tĩnh lự thứ tư chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, những Đức Phật khác cũng như vậy, cho nên gọi là bình đẳng.

Hỏi: Lúc đạt được quả A-la-hán, thì đạt được giới tùy tâm chuyển

của thân mấy địa? Đáp: Các Sư ở Phương Tây đưa ra cách nói như vậy: Đạt được giới tùy tâm chuyển của hai mươi sáu xứ thân, nghĩa là cõi Dục có chín và cõi Sắc có mười bảy. Các Luận Sư ở nước Ca-thấp-di-la nói: Đạt được giới tùy tâm chuyển của hai mươi lăm xứ thân, Bởi vì trời Đại phạm không có sứ riêng biệt, là vị lai tu chư không phải đều hiện khởi. Nghĩa là cõi Dục-Sắc tùy theo thân ở phạm vi nào đạt được quả vô học, thì có được giới tùy tâm chuyển của thân ở phạm vi ấy, cũng là vị lai tu- cũng được hiện khởi; giới tùy tâm chuyển của thân ở những phạm vi khác, tuy là vị lai tu mà không hiện khỏi, bởi vì không có thân dựa vào dị thục kia; sinh đến cõi Vô sắc đạt được quả Vô học, tuy có được giới của cõi Vô sắc mà không hiện khỏi, bởi vì sinh phía trên không giới khởi định của địa dưới.

Hỏi: Dựa vào thân của địa mình có thể khởi lên tất cả giới của địa mình hay không?

Đáp: không có thể dấy khởi hết được.

Nguyên cớ thế nào? Bởi vì pháp ác hãy còn không có khả năng dấy khỏi hết được, huống hồ các công đức do gia hạnh sinh ra ư!

Hỏi : Vì sao thánh giả sinh ở cõi Vô sắc thành tựu Đạo câu hữu giới chứ không phải là Định câu hữu giới?

Đáp: Bởi vì pháp hữu lậu hệ thuộc vào phạm vi nơi chốn (giới địa), không phải là cõi trên thì sinh vào cõi trên liền mất, vô lậu thì không như vậy. Lại nữa, pháp hữu lậu hơn-kém tùy theo phạm vi, sinh cõi trên chán ngán cõi dưới không có tác dụng gì thì chắc chắn không thành tựu vô lậu thì không như vậy. Vì thế cho nên Thánh giả sinh ở cõi Vô sắc, chỉ được thành tựu Đạo câu hữu giới. Luận về phần phụ đã xong cần phải tiếp tục phần chánh luận và vô ký nên biết cũng như vậy. Tự giới ấy, nghĩa là cõi Dục chỉ làm nhân đồng loại cho cõi Dục; cõi sắc và cõi vô sắc, nên biết cũng như vậy. Như nói về tự giới, tự địa cũng như vậy, bởi vì sự ràng buộc khác nhau. Nghĩa là tĩnh lự thứ nhất chỉ làm nhân đồng loại cho tĩnh lự thứ nhất, cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ, nên biết cũng như vậy, nghĩa là Na-lạc-ca chỉ làm nhân đồng loại cho Na-la-ca, cho đến trời sắc cánh cứu cũng như vậy.

Lời bình: Sư ấy không nên nói như vậy. Nếu nói như vậy thì xứ Ngũ tịnh cư, khởi lên sát-na thứ nhất, sẽ không có nhân đồng loại, bởi vì sự vô thỉ đến nay chưa sinh ra nhân ấy.

Hỏi: Nhân câu hữu lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Tất cả pháp hữu hi. Đã nói về tự tánh, cho nên nay phải nói.

Hỏi: Vì sao gọi là nhân câu hữu, câu hữu là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa không lìa nhau là nghĩa của câu hữu, nghĩa cùng chung nên quả là nghĩa của câu hữu, nghĩa tùy thuận với nhau là nghĩa của câu hữu. Nhân câu hữu này chắc chắn có quả Sĩ dụng gồm cả ba đời.

Thế nào là nhân đồng loại? Cho đến nói rộng ra....

Hỏi: Vì sao soạn ra luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để biểu hiện chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp quá khứ - vị lai không phải là Thể thực có; hoặc có người chấp hiện tại là pháp vô vi; hoặc là chấp tự loại làm nhân đồng loại, nghĩa làa tâm chỉ cùng với tâm, thọ chỉ cùng với thọ, nhưng pháp khác cũng như vậy. Vì ngăn chặn các loại chấp sai khác như vậy, biểu hiện rõ ràng thật có quá khứ - vị lai, và đòi hiện tại là pháp hữu vi cùng tự loại - tha loại làm nhân đồng loại, cho nên soạn ra luận này.

Hỏi: Thế nào là nhân đồng loại?

Đáp: Thiện căn đời trước cùng với thiện căn của tự giới (cõi của mình) trong đời sau, và pháp tương ứng là nhân đồng loại; thiện căn quá khứ cùng với thiện căn của tự giới trong vị lai - hiện tại, và pháp tương ứng là nhân đồng loại; thiện căn hiện tại cùng với thiện căn của tự giới trong vị lai, và pháp tương ứng là nhân đồng loại.

Hỏi: Tại sao trong này không nói về quá khứ cùng với quá khứ là nhân đồng loại?

Đáp: Bởi vì nói đời trước cùng với đời sau là đã nói đến điều ấy rồi.

Hỏi: Vì sao không nói đến tên gọi của quá khứ ?

Đáp: Bởi vì muốn biểu hiện pháp sau không phải là nhân của trước. Nếu nói quá khứ cùng với quá khứ là nhân đồng loại, thì có lẽ có người sinh ra nghi ngờ pháp sau của quá khứ cũng là nhân của pháp trước. Nếu nói đời trước cùng với đời sau là nhân đồng loại thì nghi ngờ này liền chấm dứt. Có người nói: Văn này muốn biểu hiện nghĩa của quá khứ có trước và sau. Nếu nói quá khứ cùng với quá khứ là nhân đồng loại , thì có lẽ có người sinh ra nghi ngờ các pháp quá khứ cùng lúc lần lược chuyển tiếp làm nhân đồng loại. Nếu nói đời trước cùng với đời sau là nhân đồng loại thì nghi ngờ này liền chấm dứt.

Hỏi: Vì sao đời trước... chỉ nói đến thiện căn, mà đời sau... nói gồm cả pháp tương ứng?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra. Có người nói: Đời trước... cũng cần phải nói về pháp tương ứng mà không nói đến, thì nên biết rằng điều này là có cách nói khác. Có người

nói: Văn này là ngăn chặn ý của Sa môn tương tự nối tiếp nhau, bởi vì họ đưa ra cách nói như vậy: Thiện căn chỉ làm nhân cho thiện căn, pháp tương ưng với thiện căn chỉ làm nhân cho pháp tương ưng với thiện căn. Vì ngăn chặn ý kia để biểu hiện rõ ràng thiện căn làm nhân cho thiện căn, cũng làm nhân cho pháp tương ưng; pháp tương ưng với thiện căn làm nhân cho pháp tương ưng với thiện căn, cũng làm nhân cho thiện căn, cho nên nói như vậy.

Hỏi : Tại sao trong này chỉ nói đến thiện căn và phép tương ưng mà chẳng là phép khác?

Đáp: Bởi vì dựa vào hơn hẳn mà nói, nghĩa là trong phép thiện thì thiên căn là hơn hẳn, phép tương ưng kia rất gần gũi với nhau, cho nên chỉ nói đến điều ấy. Bất thiện vàvô ký nên biết cũng như vậy. Tự giới ấy, nghĩa là cõi Dục chỉ làm nhân đồng loại cho cõi Dục; cõi Sắc và cõi Vô sắc, nên biết cũng như vậy. Như nói về tự giới, tự địa cũng như vậy, bởi vì sự ràng buộc khác nhau. Nghĩa là tĩnh lự thứ nhất chỉ làm nhân đồng loại cho tĩnh lự thứ nhất, cho đến pho tưởng phi phi tưởng xứ, nên biết cũng như vậy. Có Sư khác nói: Như nói về tự giới, tự địa và tự xứ cũng như vậy, nghĩa là Na-lạc-ca chỉ làm nhân đồng loại cho Na-lạc-ca, cho đến trời Sắc Cứu cách nên cũng biết như vậy.

Lời bình: Sư ấy không nên đưa ra cách nói như vậy. Nếu nói như vậy thì xứ Ngũ tĩnh cư, khởi lên sát-na thứ nhất, sẽ không có nhân đồng loại, bởi vì từ vô thỉ đến nay chưa sinh ra nhân ấy. Cần phải nói như vậy: Cùng địa mà khác xứ, dã khởi lên phiền não lần lược chuyển tiếp ràng buộc lẫn nhau, tùy theo chủng loại lần lược chuyển tiếp làm nhân đồng loại, nhưng trừ ra tùy miên của năm Bộ là Bộ khác nhau, bởi vì có sự sai biệt về ràng buộc và phạm vi giới hạn. Lại nói về quá khứ như nhau, là muốn biểu hiện thể của quá khứ và vị lai là có thật, hiện tại là pháp hữu vi. Như căn thiện, căn bất thiện và vô ký cũng như vậy. Sai biệt là trong bất thiện trừ ra tự giới, thì gọi là nhân đồng loại.

Hỏi: Tại sao bất thiện trừ ra tự giới?

Đáp: Bởi vì căn bất thiện không có giới khác nhau, hoặc là nói tự giới không có gì lựa chọn riêng biệt. Có người nói: Trong bất thiện cũng cần phải nói đến tự giới, bởi vì âm của Tự Giới cũng nói là Tự Bộ. Nghĩa là do kiến Khổ mà đoạn chỉ làm nhân đồng loại cho do kiến Khổ mà đoạn, cho đến do tu mà đoạn nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong này chỉ cần nói như căn thiện , căn bất thiện và vô ký cũng như vậy, chứ không nên tiếp tục nói đến những sự sai biệt của các căn?

Đáp: Nếu chỉ đưa ra cách nói như vậy, thì có lẽ người sinh ra nghi ngờ như căn vô ký bao gồm cả ba cõi, cho nên căn bất thiện cũng như vậy, cho nên tiếp tục cần phải nói về những sai biệt...

Hỏi: Tại sao trong này không nói đến căn bất thiện của đời trước..., cùng với căn vô ký của đời sau..., và pháp tương ưng là nhân đồng loại là nhân đồng loại; căn vô ký của đời trước..., cùng với căn bất thiện của đời sau..., và pháp tương ưng là nhân đồng loại?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra. Có người nói: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết rằng nghĩa này có khác. Có người nói: Nếu nói như vậy thì có lẽ có người sinh ra nghi ngờ căn bất thiện cũng nối thông ba cõi; hoặc là căn vô ký chỉ thuộc về cõi Dục; hoặc lại sinh ra nghi ngờ nhân ít mà quả nhiều, hoặc là nhân nhiều mà quả ít, vì vậy không nói đến. Văn tuy không nói đến mà nghĩa thì thật có, cho nên tự Bộ làm nhân đồng loại cho nhau.

Hỏi: Trong đời vị lai có nhân đồng loại hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu có thì tại sao trong này không nói? Nghĩa là trong này chỉ nói về đời trước làm nhân đồng loại cho đời sau, quá khứ làm nhân đồng loại cho vị lai-hiện tại, hiện tại làm nhân đồng loại cho vị lai mà không nói đến vị lai làm nhân đồng loại cho vị lai. Vả lại, nếu như có thì phải có hai tâm lần lược chuyển tiếp làm nhân, lại trái với trước đã nói; nếu không có thì chương Kiến Uẩn trong luận này phải thông hiểu thế nào? Như nói: Nếu pháp làm nhân cho pháp kia, có lúc pháp này cùng pháp kia chẳng phải là nhân?

Đáp: Không có lúc nào chẳng phải là nhân. Nếu pháp đã sinh thì nhân đồng loại, nếu pháp chưa sinh thì chẳng phải là nhân đồng loại". Vậy thì nếu pháp làm nhân cho pháp kia, có lúc pháp này cùng với pháp kia chẳng phải là nhân, làm sao đáp rằng không có lúc nào chẳng phải là nhân, làm sao đáp rằng không có lúc nào chẳng phải là nhân? Vả lại, nếu không có thì luận phẩm Loại Túc lại thông hiểu thế nào? Như nói: " Thế nào là pháp chẳng phải là tâm làm nhân? Đáp: Bổ-đặc-la đã tiến vào Chánh tánh ly sinh. Tâm vô lậu ban đầu và các dị sinh khác, nhất định sẽ tiến vào Chánh tánh ly sinh, là tâm vô lậu ban đầu. "Nhưng dị sinh ấy, tất cả tâm vô lậu vị lai đều không phải là tâm làm nhân, vì sao chỉ nói tâm vô lậu ban đầu kia? Vả lại, nếu không có thì luận phẩm Loại Túc lại thông hiểu thế nào? Như nói": Hoặc có khổ để lấy Hữu thân kiến làm nhân, chứ không làm nhân cho Hữu thân kiến, trừ ra Hữu thân kiến vị lai và khổ đế tương ưng với nó, còn lại các khổ đế nhiễm

ô. Hoặc có khổ đế lấy hữu thân kiến làm nhân, cũng làm nhân cho Hữu thân kiến, tức là pháp đã trừ ra. "Nếu hữu thân kiến vị lai không làm nhân cho hữu thân kiến vị lai, thì vì sao nói là trừ ra hữu thân kiến vị lai, và khổ đế tương ưng với nó? Vả lại, nếu không có thì luận Thức Thân Túc lại không hiểu thế nào? Như nói: "Đối với Nhãn thức nhiễm ô của quá khứ, tất cả tùy miên của nó ở tại tâm này, hoặc có thể làm nhân chứ không phải là những tùy tăng, hoặc là những tùy tăng mà không có thể làm nhân, hoặc có thể làm nhân mà cũng là những tùy tăng, hoặc không có thể làm nhân mà cũng không phải là những tùy tăng." Vả lại, có thể làm nhân mà không phải là những tùy tăng, nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại và biến hành của nó chính là tùy miên kia, nếu không duyên với tùy miên này, giả sử duyên vào rồi đoạn, và tùy miên tương ưng này đã đoạn. Là những tùy tăng mà không có thể làm nhân, nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại và biến hành chính là tùy miên kia, duyên với tùy miên chưa đoạn này. Có thể làm nhân của nó mà cũng là những tùy tăng, nghĩa là các tùy miên ở trước tâm này, đồng loại và biến hành chính là tùy miên kia, duyên với tùy miên chưa đoạn này, và tùy miên tương ưng này chưa đoạn. Không có thể làm nhân mà cũng không phải là những tùy tăng, nghĩa là các tùy miên ở sau tâm này, đồng loại và biến hành chính là tùy miên kia, hoặc không duyên với tùy miên này, giả sử duyên vào rồi đoạn; hoặc duyên vào những nơi khác, hoặc là tùy miên khác; hoặc là tùy miên biến hành không cùng phạm vi. Như nhãn thức nhiễm ô của quá khứ kia, Nhãn thức nhiễm ô của vị lai cũng như vậy. Bốn câu phân biệt về quá khứ thì lý ấy có thể như vậy, có thể làm thành bốn câu phân biệt về vị lai thì như thế nào? Nếu có trước sau thì không có nhân là như thế nào? Vả lại, nếu không có thì luận Thi Thiết Túc lại thông suốt thế nào? Như nói: "Các pháp quyết định do bốn sự việc, đó là nhân - quả - sở y và sở duyên". Nếu đời vị lai không phải nhân đồng loại thì sinh rồi mới đúng, sao nói là quyết định? Vả lại, nếu không có thì phải là không có nhân mà có quả, cũng phải là không có quả mà có quả, tức là phá hỏng tông chỉ của mình. Đáp: Cần phải nói như vậy: Trong đời vị lai không có nhân đồng loại. Bởi vì không có nhân ấy, cho nên trong này không nói đến, cũng không có lỗi của hai tâm làm nhân cho nhau.

Hỏi: Chương Kiến Uẩn trong luận này nên thông hiểu như thế nào? Như nói: "Nếu pháp làm nhân cho pháp kia, cho đến nói rộng ra..."

Đáp: Có người nói: Đó là dựa vào nhân câu Hữu mà soạn luận,

bởi vì nhân câu hữu trùm khắp pháp hữu vi, tự nó có thể thành tựu quả nối thông cả ba đời. Có người nói: Đó là dựa vào hai nhân tương ưng và câu hữu mà soạn luận, bởi vì hai nhân này đều trùm khắp ba tánh, tự nó có thể thành tựu quả nối thông cả ba đời. Có người nói: Đó là dựa vào ba nhân tương ưng - câu hữu và dị thục mà soạn luận, bởi vì ba nhân này tự nó có thể thành tựu quả nối thông cả ba đời. Có người nói: Đó là dựa vào bốn nhân tương ưng - câu hữu - dị thục và năng tác mà soạn luận, bởi vì bốn nhân này nối thông cả ba đời. Có người nói: Đó là dựa vào năm nhân mà soạn luận, bởi vì trừ ra nhânnăng tác trùm khắp tất cả các pháp cũng không ngăn cản được. Trong này, có người nói: Trừ ra nhân biến hành, bởi vì Thể và Dụng hạn hẹp. Cần phải nói đó là dựa vào sáu nhân mà soạn luận, bởi vì tên gọi của nhân đã biểu lộ nối thông cả sáu tâm.

Hỏi: Nếu pháp đã sinh là nhân đồng loạt hoặc là nhân biến thành, nếu pháp chưa sinh không phải là nhân đồng loại - không phải là nhân biến hành, vậy thì nếu pháp làm nhân cho pháp kia, hoặc có lúc pháp này cùng với pháp kia không phải là nhân, tại sao đáp rằng không có lúc nào chẳng phải là nhân?

Đáp: Dựa vào phần vị sau cùng mà tinh tế đưa ra lời đáp như vậy. Nghĩa là nếu pháp ở vị này thì chắc chắn có năng lực làm nhân đồng loại, hoặc là nhân biến hành, từ đây về sau không có lúc nào không phải là nhân, cho nên đưa ra cách nói như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong chương Kiến Uẩn lại thông hiểu thế nào? Như nói: "Nếu pháp làm đẳng vô gián cho pháp kia, hoặc có lúc pháp này cùng với pháp kia chẳng phải là đẳng vô gián chăng? Trả lời: nếu như lúc pháp này chưa đến đã sinh". Trong này cũng cần phải dựa vào phần vị sau cùng, tinh tế đưa ra lời đáp như vậy: Không có lúc nào chẳng phải là đẳng vô gián. Nghĩa là nếu pháp ở phần vị này thì chắc chắn có năng lực làm đẳng vô gián, từ đây về sau không có lúc nào không phải là đẳng vô gián. Tại sao không đưa ra cách nói như vậy?

Đáp: Cũng cần phải đưa ra cách nói như vậy, mà không nói đến là có ý nghĩa khác, bởi vì biểu hiện cách nói với lời văn khác - hình thức khác; nếu dùng lời văn khác - hình thức khác mà giải thích thì nghĩa dễ dàng hiểu được. Lại nữa, bởi vì văn biểu hiện hai phương pháp - hai con đường, hai ngọn đèn - hai sự sáng tỏ, hai ngọn đuốc - hai ánh sáng, hai sự chiếu sáng - hai hình ảnh. Như nhân đồng loại dựa vào phần vị sau cùng, tinh tế đưa ra nói như vậy: Không có lúc nào chẳng phải là nhân. Đẳng vô gián duyên cũng cần phải dựa vào phần vị này, tinh tế đưa ra

nói như vậy: Không có lúc nào chẳng phải là đẳng vô gián. Như đẳng vô gián duyên dựa vào tất cả phần vị mà nói, nếu lúc pháp này chưa đến đã sinh, thì nhân đồng loại cũng cần phải dựa vào tất cả phần vị để đưa ra cách nói như vậy. Hai văn phỏng theo nhau, cùng thông suốt cả hai nghĩa.

Hỏi: Trong luận Phẩm Loại Túc nói lại thông hiểu thế nào? Như nói: "Thế nào là pháp chẳng phải là tâm làm nhân, cho đến nói rộng ra? "

Đáp: Luận ấy chỉ nói về pháp cuối cùng không phải là tâm làm nhân, tuy nó chưa tiến vào Chánh tánh ly sinh, mà các tâm vô lậu đều không phải là tâm làm nhân. Nhưng nếu nó tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì chỉ có tâm vô lậu ban đầu là pháp chẳng phải là tâm làm nhân, nhưng tâm còn lại đều lấy tâm làm nhân. Có sư khác nói: Văn ấy không biện giải về nghĩa của nhân đồng loại là gì, mà chỉ biện giải về hai loại dị sinh, nghĩa là có pháp Bát Niết-bàn và không có pháp Bát Niết-bàn. Văn tuy không nêu ra là không có pháp Niết-bàn, nhưng ý nghĩa theo đúng phần lý biểu hiện rõ ràng biết là có. Nghĩa là văn ấy đã nói có những dị sinh khác quyết định sẽ tiến vào Chánh tánh ly sinh, bởi vì theo đúng nghĩa này thì cũng có dị sinh quyết định không tiến vào Chánh tánh ly sinh. Vậy thì gọi là không có pháp Niết-bàn, tức là không có pháp Niết- bàn nào gọi là chẳng phải tâm làm nhân.

Hỏi: Trong luận Phẩm Loại Túc nói lại thông hiểu thế nào? Như nói: "Hoặc có Khổ đế lấy hữu thân kiến làm nhân, cho đến nói rộng ra."

Đáp: Luận ấy chỉ nói: "Trừ ra Hữu thân kiến vị lai tương ứng với Khổ đế", chứ không nói "Và với nó". Giả sử đưa ra nói như vậy là do người đọc nhầm lẫn.

Hỏi: Trong luận Thức Thân Túc nói lại thông hiểu thế nào? Như nói: "Đối với Nhãn thức nhiễm ô của quá khứ, tất cả tùy miên..., cho đến nói rộng ra."

Đáp: Luận ấy đối với vị lai thuận theo làm thành ba câu phân biệt, trừ ra những tùy tăng không có thể làm nhân, bởi vì nó không có về sau. Nhưng nói vị lai như quá khứ thì có ý nghĩa khác, nghĩa đang lúc sinh ra cần phải tiến vào hiện tại xác định là đồng loại, hoặc là nhân biến hành hướng về pháp khác chưa dấy khởi, có thể nói là trước: hướng về pháp này thì có nói những pháp còn lại gọi là sau.

Có Sư khác nói: Luận ấy nói về vị lai cũng có bốn câu phân biệt, không nói đến vị lai có tâm trước-sau, giống như quá khứ mà lại làm

nhân. Không phải là những tùy tăng, nghĩa là tùy miên tương ưng này đã đoạn mà làm những tùy tăng. Không có thể làm nhân, nghĩa là có tùy miên biến hành đồng loại, ở đời vị lai đối với nhãn thức nhiễm ô của đời vị lai duyên mà chưa đoạn thì có thể làm nhân cho nó. Cũng là những tùy tăng, nghĩa là tùy miên tương ưng này chưa đoạn mà không có thể làm nhân. Cũng không phải là những tùy tăng, nghĩa là có tùy miên biến hành đồng loại ở đời vị lai biến, hoặc không duyên với tùy tùy miên này, giả sử duyên vào rồi đoạn; hoặc duyên vào những nơi khác, hoặc là tùy miên khác; hoặc là tùy miên biến hành không cùng phạm vi.

Hỏi: trong luận Thi Thiết Túc nói lại thông hiểu thế nào? Như nói: "Các pháp quyết định có bốn sự việc, cho đến nói rộng ra".

Đáp: Nhân là bốn nhân, đó là nhân tương ưng-câu hữu-dị thục và năng tác. Quả là ba quả, đó là quả Sĩ dụng-dị thục và tăng thượng. Sở y là sáu loại sở y, đó là nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân và ý. Sở duyên là sáu loại sở duyên, đó là sắc-thanh-hương-vị-súc và pháp. Bốn sự việc như vậy quyết định cả ba đời cho nên không trái ngược nhau.

Hỏi: nếu đời vị lai không có nhân đồng loại và nhân biến hành, chỉ có ở quá khứ và hiện tại, thì phải là không có nhân mà có quả, như vậy thì phá hỏng tông chỉ về có ba đời?

Đáp: Thừa nhận cũng không có gì sai, bởi vì dựa theo phần vị chứ không phải là thể, mà tác dụng hòa theo phần vị của quả chứ không phải là thể của quả, nhưng phần vị cùng với thể thì không phải chính nó cũng không phải tách rời, thể tuy luôn luôn có mà phần vị không phải là luôn luôn có, cho nên nhân đồng loại và nhân biến hành, vốn không có mà nay có cũng không có gì sai. Có Sư khác nói: Trong đời vị lai có nhân đồng loại.

Hỏi: Như vậy thì phần sau nói về sáu vấn nạn dễ dàng thông hiểu, vì sao văn luận trong này không nói đến?

Đáp: Cần phải nói mà không nói dến thì nên biết rằng nghĩa này có khác, bởi vì sáu nhân đã nói đều có khác. Lại nữa, nếu nhân đồng loại có sức mạnh-có năng lực dẫn đến quả và thành tựu quả thì trong này sẽ nói: nhân đồng loại của vị lai, không có sức mạnh-không có năng lực dẫn đến thành tựu quả và thành tựu quả, cho nên không nói đến. Lại nữa, nếu nhân đồng loại đã là hiện tại-đã hòa hợp, đã có tác dụng, gánh vác trọng trách thì trong này sẽ nói; nhân đồng loại của vị lai không có sự việc như vậy, cho nên không nói đến. Lại nữa, nếu nhân đồng loại đã hiện hành, tướng của đời biểu hiện rõ ràng thì trong này sẽ

nói; nhân đồng loại của vị lai, chưa hiện hành và tướng của đời không biểu hiện rõ ràng, cho nên không nói đến.

Hỏi: Nếu đời vị lai có nhân đồng loại, thì phải có lỗi là hai tâm làm nhân cho nhau?

Đáp: Như bốn hành tướng đều có hệ thuộc, những pháp khác cũng như vậy cho nên không có lỗi ấy. Nghĩa là hành tướng Vô thường của đời vị lai, có bốn hành tướng thuận theo không ngừng sinh ra, đó là tướng hệ thuộc của sự tu tập, từ hành tướng vô thường này làm nhân cho tướng ấy, tướng ấy không phải là nhân này mà là mà là thuộc vào hành tướng vô thường, cho nên hành tướng vô thường dấy khởi nhất định phải đứng trước; hành tướng của Khổ- Không-Vô ngã cũng như vậy. Pháp hữu vi khác tương tự như vậy, nên biết! Vì vậy không có lỗi là hai tâm làm nhân cho nhau. Nếu đưa ra cách nói như vậy, thì có người dựa vào tĩnh lự thứ tư đạt được quả A-la-hán, có thể tu chín địa vô lậu của vị lai, vô lậu đã tu đều hệ thuộc vào đây, về sau dấy khởi Thánh đạo hiện tiền ở địa khác, lại không có thể tu vô lậu của vị lai, bởi vì không có Thánh đạo nào khác hệ thuộc ở đây, cho nên thuận theo ở quá khứ và hiện tại chẳng phải là nhân đồng loại, vậy thì trái ngược nhau. Trong này đã nói thiện căn đời trước cùng với đời sau là nhân đồng loại, cho đến nói rộng ra, đừng có sai lầm như vậy. Do đó, đời vị lai không có nhân đồng loại, đối với lý là thích hợp.

Hỏi: Sắc pháp là có nhân đồng loại hay không?

Đáp: Các Sư nước ngoài đưa ra cách nói như vậy: Tất cả sắc pháp đều không có nhân đồng loại, chỉ dựa vào sức mạnh hòa hợp của duyên khác mà dấy khởi . Hiện tại thấy đào đất sâu xuống hơn trăm khuỷu tay, từ nơi ấy lấy bùn đem ra, nóng hong gió thổi trãi qua thời gian, sau gặp trời mưa thì cỏ mọc lên. Vả lại, hiện tại thấy trên nóc nhà-trên đỉnh núi, trước kia không có hạt giống mà cũng mọc lên cỏ cây. Do đó biết là sắc pháp không có nhân đồng loại.

Hỏi: Nếu như vậy thì chương Đại Chủng Uẩn trong luận này nói sẽ thông hiểu thế nào? Như nói: "Đại chủng tạo sắc ở quá khứ cùng với đại chủng tạo sắc của vị lai... là nhân tăng thượng".

Đáp: Mình đối với luận khác thì việc gì phải thông hiểu, nếu nhất định phải thông hiểu thì cần phải nói như vậy: Sức mạnh của tăng thượng duyên có gần-có xa, có ở thân này và có ở thân khác. Nếu gần và ở tại thần này thì dó gọi là nhân, nếu xa và ở tại thân khác thì đó gọi là tăng thượng. Các Luận Sư ở nước Ca-thấp-di-la nói: Sắc pháp cũng có nhân đồng loại, chỉ trừ ra sắc Vô lậu ban đầu.

Hỏi: Nếu như vậy thì tuy thông hiểu về Đại Chủng Uẩn giải thích, nhưng chương ấy đã đưa ra sự việc thỉ phải thông hiểu thế nào?

Đáp: Trong bùn đã lấy ra trước kia có hạt giống, vì thiếu những duyên khác cho nên cỏ chưa mọc được, về sau gặp nhiều duyên thì cỏ liền mọc lên. Vả lại, bụi đất kia tích tụ trên nóc nhà-trên đỉnh núi, có cỏ mọc lên là do gió thổi hoặc chim ngậm hạt giống bay đến, cho nên được mọc lên như vậy.

■